

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẮNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 02 - 2021.

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Quang Hoạch và ông Vũ Xuân Tuất.

**- T1 ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - T1 ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 695/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 245, ấp T, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 1884, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H xin vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Mỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử chị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Anh T tự nguyện yêu thương chung sống vợ chồng với nhau, được UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2012.

Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị đã không còn tình cảm với anh T, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, trong gia đình anh T luôn kiểm soát chuyện tiền bạc, chị H không được có ý kiến gì. Anh T tự quyết định mọi việc, không hỏi ý kiến chị H, khiến chị H cảm thấy giữa vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm lẫn nhau. Từ tháng 8/2019 đến nay, chị H đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Trong khoảng thời gian này, hai vợ chồng đã ngồi lại nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Mâu thuẫn gia đình đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Hiện vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm dành cho nhau không còn, đã sống ly thân nhau. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Nguyễn Diệp Song T1, sinh ngày 08/7/2016. Nguyễn Bảo K, sinh ngày: 03/7/2013. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và đồng ý giao cháu K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện tại cháu T1 đang sống với chị H, cháu K đang sống cùng anh T.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị H khai không có.

***\* Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho anh T. Tuy nhiên, trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Nguyễn Anh T đều vắng mặt không có lý do. Anh T có bản tự khai nộp cho Tòa án trình bày ý kiến như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn, được UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2012.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H thường xuyên đi chơi, không lo chăm sóc gia đình, anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị H vẫn không nghe. Từ năm 2019 cho đến nay, chị H đã dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống còn anh và hai con vẫn sống tại ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì anh còn yêu thương vợ con, mong muốn gia đình đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Nguyễn Diệp Song T1, sinh ngày 08/7/2016 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 03/7/2013. Trường hợp chị H cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Anh T khai không có.

***\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:***

**Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

**Về đường lối giải quyết vụ án:**

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Nguyễn Diệp Song T1, sinh ngày 08/7/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày: 03/7/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: các đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng dân sự:** Chị Nguyễn Thị Mỹ H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của chị với anh Nguyễn Anh T vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa xét xử vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Anh T nhưng anh T đều vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và tại phiên tòa ngày hôm nay anh T vẫn không đến tham gia. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

**[2] Về nội dung vụ án:**

**2.1.** Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Anh T là hợp pháp, vì lấy nhau tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2001, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 9 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2001 nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ H thì thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng của chị H, anh T đã xảy ra trong thời gian dài. Mâu thuẫn do không hợp

nhau, hay cãi vã, xúc phạm nhau về nhiều vấn đề kinh tế, tình cảm nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Chị H và anh T cũng tìm nhiều biện pháp tháo gỡ nhưng cũng không đem lại kết quả gì. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Tình cảm của chị dành cho anh T không còn nên chị xin được ly hôn với anh T.

Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho anh T, anh T có nộp bản tự khai trình bày ý kiến của anh T về yêu cầu ly hôn của chị H cho Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án cũng đã thông báo hòa giải để cho anh, chị có cơ hội gặp gỡ hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng anh T vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và ngày hôm nay anh T vắng mặt không có lý do. Thể hiện bản thân anh T cũng không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình với chị H. Ngoài ra, các đương sự cũng thừa nhận từ năm 2019 đến nay, hai người đã không còn sống chung với nhau. Qua những phân tích trên thể hiện cuộc sống hôn nhân của chị H, anh T không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị H, anh T đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc yêu cầu ly hôn với anh T.

**2.2. Về con chung:** Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Diệp Song T1, sinh ngày 08/7/2016 và đồng ý giao cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 03/7/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện tại cháu T1 Tng sống với chị H.

**2.2.1. Xét yêu cầu của chị H thì thấy:** Anh T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện nuôi con chung của chị H, anh T có nộp cho Tòa án bản tự khai anh cũng có nguyện vọng được nuôi hai con chung, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh lên làm việc để hòa giải, công khai chứng cứ nhưng anh đều vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 15/01/2021 và phiên tòa ngày hôm nay anh T cũng không đến Tòa tham gia. Chị H và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2019, cháu T1 đang được chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng từ khi sống ly thân đến nay; Cháu K đang được anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bản thân cháu K cũng có nguyện vọng được ở với anh T, cháu T1 còn nhỏ, lại là con gái. Chị H có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định, để tránh ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị H là giao cháu Nguyễn Diệp Song T1, sinh ngày 08/7/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày: 03/7/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

**2.2.2. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.**

**2.3. Về tài sản chung:** Các đương sự khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**2.4. Về nợ chung:** Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí sơ thẩm:** Buộc chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T10ng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H. Cho chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

**2. Về con chung:** Giao con chung là Nguyễn Diệp Song T1, sinh ngày 08/7/2016 cho chị Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 03/7/2013 cho anh Nguyễn Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của anh T và chị H.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung:** Các đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4. Về nợ chung:** Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**5. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0005714 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Như Quỳnh**









